

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG TVT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG TVT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TVT INVESTMENT TRADING AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110698193

3. Ngày thành lập: 25/04/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Vĩnh Ninh, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 091 4009962

Fax:

Email: Nguyenlucnd88@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược)	4649
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
11.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4669

14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
15.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
16.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
17.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
18.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
19.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
20.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
21.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	7020
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động đo đạc bản đồ - Khảo sát địa hình, Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác - Giám sát thi công xây dựng cơ bản. - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng Tư vấn giám sát thi công xây dựng - Tư vấn đấu thầu - Lập hồ sơ mời thầu - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Kiểm định xây dựng	7110
23.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
24.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
25.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4690
26.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
27.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
28.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
29.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
30.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
31.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
32.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
33.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
34.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
35.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394

36.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
37.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
38.	Đúc sắt, thép (Trừ sản xuất vàng miếng)	2431
39.	Đúc kim loại màu Chi tiết: Đúc nhôm, gang (Trừ sản xuất vàng miếng)	2432
40.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
41.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
42.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
43.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
44.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương Quân đội)	2599
45.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
46.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
47.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
48.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
49.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
50.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
51.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
52.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
53.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
54.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
55.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
56.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
57.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
58.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
59.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm: - Hoạt động của đầu giá viên,- Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;- Bán lẻ tem và tiền kim khí;)	4789
60.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá)	4791
61.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đầu giá)	4799
62.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

63.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
64.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
65.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
66.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
67.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
68.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
69.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
70.	Xây dựng nhà để ở	4101
71.	Xây dựng nhà không để ở	4102
72.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
73.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
74.	Xây dựng công trình điện	4221
75.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
76.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
77.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
78.	Xây dựng công trình thủy	4291
79.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
80.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
81.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
82.	Phá dỡ Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4311
83.	Chuẩn bị mặt bằng Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4312
84.	Lắp đặt hệ thống điện	4321(Chính)
85.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
86.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
87.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
88.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
89.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
90.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 680.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN VĂN TRINH	Xóm 16, Xã Diên Đoài, Huyện Diên Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	340.000	3.400.000.000	50,000	0400940175 40	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	340.000	3.400.000.000	50,000		
2	NGUYỄN TRỌNG HỢP	Tổ 1, Thị Trấn Lộc Thắng, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	34.000	340.000.000	5,000	251138966	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	34.000	340.000.000	5,000		

3	NGUYỄN VĂN LỰC	Thôn 5, Xã Trục Khang, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	306.000	3.060.000.000	45,000	036088001656
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	306.000	3.060.000.000	45,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: TRẦN VĂN TRINH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 30/10/1994

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040094017540

Ngày cấp: 16/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Xóm 16, Xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm 16, Xã Diễn Đoài, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội